TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-ST
Ngày: 24-4-2026
Về việc*: "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2/ Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị X Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của bà T: anh Võ Hồ Anh Tuấn, sinh năm 1994; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Trâm Vàng 2, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền số 006308/2025/CCGD ngày 15/8/2025)

Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Ông Đặng Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2025 của bà Nguyễn Thị T và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền – anh Võ Hồ Anh Tuấn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Ngày 20/12/2019 bà Nguyễn Thị T có cho bà Trần Thị X vay số tiền 24.000.000 đồng đến ngày 27/4/2023 bà X có trả cho bà X được 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 19.000.000 đồng. Khi vay bà X có viết nhận nợ vào sổ theo dõi của bà T. Bà X vay tiền để bà và chồng là ông Đặng Văn C mua bán sầu riêng. Trước đó, ông C cũng thường xuyên vay tiền của bà T, khi bà T yêu cầu bà X trả tiền thì ông C cũng có hẹn trả tiền cho bà T và việc mượn tiền trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà X và ông C.

Do đó, bà T yêu cầu bà Trần Thị X và ông Đặng Văn C có trách nhiệm cùng trả cho bà số tiền 19.000.000 đồng và tiền lãi theo quy của pháp luật từ ngày 27/4/2023 đến nay.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đặng Văn C và bà Trần Thị T về *"Hợp đồng vay tài sản*". Buộc bà X và ông C trả cho bà T số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/4/2023.

- Về án phí: bà X và ông C phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà X và ông C có nơi cư trú tại ấp Âp 1, xã Truông Mít căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án nhân dân khu vực 11–Tây Ninh giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.2] Bị đơn là bà Trần Thị X và ông Đặng Văn C đã được Toà án triệu tập những vắng mặt lần thứ hai; anh Tuấn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là có căn cứ theo quy định tại Điều 227,

228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà T yêu cầu ông C và bà X trả số tiền vay. Do đó, xác định đây là tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3] *Xét yêu cầu của bà T thấy rằng:*

[3.1] Bà X và bà T có quan hệ quen biết nên bà T có cho bà X vay tiền. Theo văn bản mà T cung cấp thể hiện nội dung "*20-12-2019 X có mượn chị Th 24 triệu chẳng"* và cũng trong cùng văn bản có thể hiện nội dung "*ngày 27-4-2023 có gởi 5.000.000 năm triệu chẳng*". Do các bên có quan hệ quen biết và thói quen nên khi vay mượn tiền và trả tiền bà X chỉ viết vào sổ theo dõi của bà T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà X có biết việc bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 19.000.000 đồng nhưng bà X không đưa ra ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, có căn cứ xác định bà X có nợ bà T số tiền 19.000.000 đồng.

[3.2] Bà X và ông C là vợ chồng, bà X vay tiền để mua bán sầu riêng. Mặt khác, trước đó ông C cũng đã từng vay tiền của bà T, theo văn bản thể hiện nội dung "*C 15-12-2019 có mượn chị Th mười triệu chẳng".* Do đó, có căn cứ xác định bà X và ông C thường xuyên vay tiền của bà T để ông bà làm ăn nên việc bà T yêu cầu ông C và bà X cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu Th lãi của bà T thấy rằng:

Bà X và ông C vay tiền không có thoả thuận thời hạn trả tiền và cũng không thoả thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 0,83% theo quy định tại khoản 2 Điều 468 là có căn cứ.

Xét thấy, theo giấy nhận nợ thì ngày 27/4/2023 bà X có trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng thì ngưng nên bà T yêu cầu Th lãi từ ngày 27/3/2023 đến ngày là ngày 24/4/2026 (ngày xét xử) là có căn cứ chấp nhận.

Số tiền lãi được Th như sau: 19.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng 28 ngày = 5.673.627 đồng làm tròn là 5.674.000 đồng

Tổng số tiền ông C và bà X có nghĩa vụ trả cho bà T là 24.674.000 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh.

[6] Về án phí: Ông C và bà X phải chịu 1.233.700 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đặng Văn C và bà Trần Thị X về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Bà Trần Thị X và ông Đặng Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 24.674.000 (hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông C và bà X không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà T số tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Bà Trần Thị X và ông Đặng Văn C phải chịu 1.233.700 (một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm) đồng.

Bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Án dân sự được xét xử công khai báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Lê Thị Hoàng Yến